

Bản án số: **200** /2024/HS-ST
Ngày 24 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Hồng Phong.

2. Bà Phan Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa:

+ *Tại điểm cầu trung tâm:* Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Tại điểm cầu thành phần:* Bà Nguyễn Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

+ *Tại điểm cầu trung tâm:* Ông Trần Đức Khuê - Kiểm sát viên.

+ *Tại điểm cầu thành phần:* Ông Nguyễn Khắc Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 234/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 theo hình thức trực tuyến, gồm 02 điểm cầu: điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần đặt tại Trại tạm giam Chí Hòa - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 331/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Thành Đ1; sinh năm 1996; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: A1 B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thế Đ và bà Nguyễn Thị C; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 17/03/2016, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 66/2016/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/8/2016, đã đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 20/7/2016.

- Ngày 20/03/2018, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” Bản án số 31/2018/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2020, đã đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 11/9/2018, nộp phạt sung quỹ nhà nước ngày 10/8/2018.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2024 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980; nơi cư trú: A1 B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Thành Đ1 là cháu ruột của anh Nguyễn Văn N, cả hai cùng cư trú tại nhà số A1 B, Phường A, Quận H, Thành Phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng đầu tháng 03/2024, Đ1 vào phòng của anh N để uống nước trong tủ lạnh thì nhìn thấy trên tủ quần áo có 01 cái túi màu đen có ngăn kéo, trong túi có một sấp tiền lộ ra bên ngoài. Do không có tiền tiêu xài, lại nghiện ma túy và lúc này không có ai ở nhà nên Đ1 nảy sinh ý định lấy trộm tiền của anh N. Thực hiện ý định trên, Đ1 đi đến dùng tay phải rút một sấp tiền loại mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Sau đó, Đ1 ra ngoài để đếm thì biết số tiền vừa lấy được là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng. Đ1 mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng cuối tháng 03/2024, Đ1 tiếp tục lén lút lấy số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng còn lại trong túi của anh N. Đến đầu tháng 5/2024, Đ1 đem số tiền trộm được đi ra tiệm T2 tại đường L tỉnh 5, Phường E, Quận H mua 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi 13 Pro 5G hết 8.600.000 (tám triệu sáu trăm nghìn) đồng, số tiền còn lại Đ1 mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Đến sáng ngày 12/05/2024, Đ1 đang ở nhà ngủ thì Công an P, Quận H đến đưa Đ1 về trụ sở làm việc và Đ1 đã khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng của anh N như nêu trên và giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi 13 Pro 5G.

Vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Xiaomi Redmi 13 Pro 5G.

Trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Văn N yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ1 bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Tại bản Cáo trạng số 210/CT-VKS ngày 19/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ1 về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ1 từ 03 năm đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại. Về vật chứng, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đ1 đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định Nguyễn Văn Thành Đ1 là cháu ruột của anh Nguyễn Văn N, cả hai cùng cư trú tại nhà số A đường B, Phường A, Quận H, Thành Phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng đầu tháng 03/2024 đến cuối tháng 03/2024, Đ1 đã hai lần vào phòng của anh N lén lút lấy trộm tiền của anh N, lần 01 là 35.000.000 đồng, lần 02 là 25.000.000 đồng. Tổng số tiền Đ1 chiếm đoạt của anh N là 60.000.000 đồng.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm Tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo trộm cắp tài sản có tổng giá trị là 60.000.000 đồng, đây là trường hợp định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”. Như vậy Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hành vi của bị cáo Đ1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Trong thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện 02 (hai) hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản liên tiếp, trị giá tài sản bị chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, thể hiện mức độ nguy hiểm của bị cáo và thái độ xem thường pháp luật, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt là 60.000.000 đồng. Xét thấy đây là thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đối với bị hại, đồng thời tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn N số tiền là 60.000.000 đồng.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi 13 Pro 5G là tài sản do bị cáo dùng tiền có được từ việc phạm tội để mua nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại này.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2024.

- Căn cứ vào các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ1 bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước : 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi 13 Pro 5G.

(theo Biên bản giao, nhận tang tài vật ngày 26/8/2024)

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Thành Đ1 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc